

Bản án số: 135/2018/HSST
Ngày 04-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh - Giáo viên Trường
THCS Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

2. Ông Ngô Xuân Dệt – Cán bộ hưu trí phương Ia
Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku,
tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/HSST ngày
15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2018/QĐXXST-
HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn N, Sinh ngày 23 tháng 6 năm 2001 tại Gia Lai. Nơi ĐKKHKT và
chỗ ở: Thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn
hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:
Việt Nam; con ông Lê Văn P - Sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm
1976. Bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp
cấm đi khỏi nơi cư trú và được cho tại ngoại; có mặt.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn N và là người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị H. Cùng địa chỉ:
Thôn T, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; là cha và mẹ của
bị cáo. Bà H có mặt, ông P vắng mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N:

Ông Đàm T - Luật sư Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị hại: Bà Huỳnh Thị H; địa chỉ: đường X, tổ 7, phường H, thành phố P,
tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị L; địa
chỉ: Tổ dân phố 18, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người định giá tài sản:* Ông Trần Tấn Q – Phó trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố P - Chủ tịch Hội đồng định giá. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Lê Văn L; địa chỉ: đường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2/ Anh Trần Anh T; địa chỉ: Thôn 4, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T; địa chỉ: đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4/ Bà Phan Thị Cẩm N; địa chỉ: đường T, Tổ 6, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07-01-2018, Lê Văn N đến thuê phòng trọ số 01 nhà trọ số 60 đường N, Tổ 09, phường I, thành phố P, để ở và đi làm thuê. Vào khoảng 21 giờ ngày 12-01-2018, Lê Văn N cùng với Trần Anh T và Lê Văn L cùng nhau uống cà phê tại quán Ciu, ngã tư đường H và đường T, thành phố P sau đó cùng nhau đi về về phòng trọ của Lê Văn N để ngủ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn N cùng Lê Văn L và Trần Anh T đi cùng với một nam thanh niên tên L1 là bạn của Lê Văn L đi ăn khuya tại Chợ đêm thành phố P. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn N cùng với Trần Anh T và Lê Văn L quay về phòng trọ của Lê Văn N để ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 13-01-2018, Lê Văn L dậy nhờ Lê Văn N gọi xe taxi đến chở đi về, còn Trần Anh T vẫn nằm ngủ. Sau khi Lê Văn L đi về, Lê Văn N thấy phòng số 05 cùng dãy nhà trọ là của chị Huỳnh Thị H thuê ở, khóa cửa và không có người trông coi, nên Lê Văn N nảy sinh ý định vào phòng để trộm cắp tài sản. Lúc này, Lê Văn N đi xuống phòng trọ số 06 của chị Nguyễn Thị L hỏi mượn của chị Nguyễn Thị L 01 tuýt vít bằng sắt dài khoảng 20cm, cán nhựa màu đen. Sau đó, Lê Văn N đi đến cuối dãy nhà trọ lấy 01 cục đá bê tông kích thước khoảng (10 x 10)cm rồi đi đến trước cửa phòng của chị Huỳnh Thị H. Lê Văn N dùng tuýt vít bẻ vào bản lề rồi dùng cục đá bê tông đập liên tiếp vào tuýt vít, làm ổ khóa cùng bản lề bung ra. Lê Văn N mở cửa đi vào trong phòng lục tung đồ đạc trong tủ đựng quần áo nhưng không thấy có tài sản gì. Ngay lúc này, Lê Văn N thấy có 01 ngăn tủ nhỏ đang khóa nên Lê Văn N ngồi xuống nền nhà và dùng tuýt vít cạy bung ngăn tủ ra, thì thấy có 01 cọc tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được buộc bằng dây thun và có 01 mặt dây chuyền vàng. Lê Văn N lấy số tiền và mặt dây chuyền này bỏ vào túi nilon màu đen rồi Lê Văn N đi ra đường vứt cục đá bê tông và tuýt vít. Sau đó, Lê Văn N mang tiền và mặt dây chuyền vàng này về phòng trọ

của Lê Văn N. Do trước đó Lê Văn N cần mua sắm đồ dùng cá nhân nên có mượn 22.000.000đồng của một người tên M. Vì vậy, Lê Văn N đã gọi điện thoại cho M đến và đưa hết số tiền lấy được cho M, còn mặt dây chuyền thì Lê Văn N cất giấu trong phòng ngủ.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Thị Ngọc T ở phòng trọ số 02 của khu nhà trọ phát hiện thấy cửa phòng số 05 bị phá nên báo cho chị Phan Thị Cẩm N là chủ nhà trọ biết. Sau đó, chị Phan Thị Cẩm N đã báo cho chị Huỳnh Thị H. Chị Huỳnh Thị H về kiểm tra xác định đã bị mất 31.000.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 mặt dây chuyền vàng tây nên chị Huỳnh Thị H đã làm đơn trình báo Công an phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Công an phường I đến phòng trọ và yêu cầu Lê Văn N và Nguyễn Ngọc T về trụ sở Công an phường I làm việc. Tại công an phường I, Lê Văn N đã khai cùng với Lê Văn L thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của chị Huỳnh Thị H; số tài sản lấy được Lê Văn L là người giữ và mang đi hết. Sau khi khai nhận, Công an phường I đã lập Biên bản tiếp nhận người phạm tội tự thú và cho Lê Văn N về. Sau khi về tới nhà trọ, Lê Văn N liên lạc với M lấy lại toàn bộ số tiền mà Lê Văn N đã đưa cho M. Lúc này, Lê Văn N xác định số tiền mình chiếm đoạt được là 31.000.000đồng và trả nợ cho M số tiền 22.000.000đồng; số tiền còn lại là 9.000.000đồng thì Lê Văn N cất giữ. Đối với mặt dây chuyền vàng thì Lê Văn N đem bán cho một tiệm vàng trên địa bàn thành phố P được 1.000.000đồng. Toàn bộ số tiền này, Lê Văn N tiêu đã xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra đến ngày 08-3-2018, Lê Văn N đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên là do một mình Lê Văn N thực hiện. Đối với các lời khai trước ngày 08-3-2018, Lê Văn N khai Lê Văn L là người rủ Lê Văn N và trực tiếp là người lấy tài sản và mang đi là do Lê Văn N lo sợ nên đã khai như vậy.

Tại các lời khai có tại hồ sơ Lê Văn L và Trần Anh T trình bày: Vào khoảng 21 giờ ngày 12-01-2018, Lê Văn N, Trần Anh T và Lê Văn L cùng nhau uống cà phê, đi ăn khuya rồi cùng nhau đi về về phòng trọ của Lê Văn N tại: Nhà trọ số 60 đường N, Tổ 09, phường I, thành phố P để ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 13-01-2018, Lê Văn L dậy nhờ Lê Văn N gọi xe taxi để đi về. Đến 11 giờ cùng ngày, Lê Văn L đón xe khách đi thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để gặp bạn gái là Ksor H. Nguyễn Ngọc T nằm ngủ đến 12 giờ cùng ngày, Công an phường I mời Nguyễn Ngọc T và Lê Văn N đến trụ sở làm việc do vụ việc mất tài sản xảy ra tại khu nhà trọ của Lê Văn N. Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Văn N thì Lê Văn L và Nguyễn Ngọc T không biết.

Tại các lời khai có tại hồ sơ chị Nguyễn Thị L trình và chị Nguyễn Thị Ngọc T bày: Vào khoảng 10 giờ ngày 13-01-2018, chị Nguyễn Thị L đang ở tại phòng trọ số 06 nhà trọ số 60 đường, Tổ 09, phường I thì có một nam thanh niên nói

giọng Miền bắc hỏi mượn Tuốc nơ vít. Do đang mặc đồ ngủ nên chị Nguyễn Thị L lấy tuốc nơ vít trong cốp xe rồi hé cửa đưa ra do đó không thấy mặt người này. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì chị Nguyễn Thị Ngọc T là người ở phòng trọ số 2 phát hiện phòng trọ số 5 bị cạy cửa nên báo cho chị Huỳnh Thị H là người thuê phòng trọ số 5 biết. Khi chị Huỳnh Thị H về thì phát hiện bị mất số tiền là 31.000.000đồng và 01 mặt dây chuyền bằng vàng. Đối với chiếc Tuốc nơ vít không thu hồi được, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu bồi thường.

Tại các lời khai có tại hồ sơ bị hại là chị Huỳnh Thị H trình bày: Vào khoảng 06 giờ 45 phút ngày 13-01-2018, chị Huỳnh Thị H khóa cửa phòng trọ số 5 của nhà trọ số 60 đường N, Tổ 09, phường I để đi làm. Đến khoảng 11 giờ thì chị Huỳnh Thị H nghe chủ nhà trọ là bà Phan Thị Cẩm N báo tin là phòng chị Huỳnh Thị H bị cạy cửa. Khi chị Huỳnh Thị H về phòng trọ thì thấy bị mất số tiền là 31.000.000đồng và 01 mặt dây chuyền bằng vàng, khoảng 04 phân đã qua sử dụng, có hình trái tim, xung quanh bọc vàng, có nhiều viên đá nhỏ màu trắng xung quanh, một viên đá to ở giữa trên mặt viên đá ở giữa có hình một con vật. Mặt dây chuyền này trị giá khoảng 1.000.000đồng. Hiện chị Huỳnh Thị H đã được gia đình Lê Văn N bồi thường số tiền là 32.000.000đồng nên về dân sự chị Huỳnh Thị H không có yêu cầu bồi thường thiệt hại; về trách nhiệm hình sự, chị Huỳnh Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn N.

Đối với mặt dây chuyền bằng vàng, do Lê Văn N đã bán và không nhớ được nơi đã bán nên không thu hồi được.

Tại Kết luận số 65/KL-HĐĐG ngày 09-4-2018, về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định:

- 01 (Một) mặt dây chuyền vàng tây, vàng 18K, nặng khoảng 04 phân, hình trái tim ở giữa có đính viên đá hình con vật màu xanh nhạt, xung quanh có đính những hạt đá nhỏ bị chiếm đoạt thời điểm ngày 13-01-2018, tài sản không thu hồi được; có giá trị là: 1.000.000đồng.

Đối với cục đá bê tông và tuýt vít, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với đối tượng tên M là người mà Lê Văn N dùng số tiền trộm cắp được để trả nợ cho Mạnh 22.000.000đồng. Hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa xác định được nhân thân, lai lịch của M nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Đối với chiếc điện thoại di động được Lê Văn N dùng để liên lạc với M hiện đã bị mất nên không thu giữ được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá nêu trên.

Về dân sự: Bị hại đã được bồi thường nên không có yêu cầu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 13-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Lê Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn N và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H không có ý kiến gì đối với lời khai của bị cáo Lê Văn N trình bày tại phiên tòa. Bị cáo Lê Văn N được gia đình cho đi học đến lớp 9 thì bị cáo nghỉ học ở nhà và xin đi học nghề. Từ tháng 2-2017 đến nay, bị cáo Nam đến thành phố P để làm thuê và đã có thu nhập ổn định và có gửi tiền về cho gia đình. Đối với số tiền đã bồi thường cho bị hại thì bà H không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn N về “Tội trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 (01 tình tiết: bị hại xin giảm nhẹ hình phạt) Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N mức án từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về bồi thường dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Vật chứng của vụ án không thu hồi được nên không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn N và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn N không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Lê Văn N nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn N tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáo Lê Văn N đã thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 13 tháng 01 năm 2018, tại phòng trọ số 05 của nhà trọ số 60 đường N, Tổ 09, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Lê Văn N lợi dụng người thuê phòng vắng mặt nên đã lén lút sử dụng Tuýt vít và đá bê tông để phá bản lề cửa rồi vào chiếm đoạt tài sản của chị Huỳnh Thị H số tiền 31.000.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 mặt dây chuyền vàng có trị giá 1.000.000đồng.

[2.2] Bị cáo Lê Văn N, sinh ngày 23-6-2001 tính đến ngày thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là người từ đủ 16 tuổi trở lên, hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài và trả nợ mà bị cáo cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[2.3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này bị cáo Lê Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Văn N có nhân thân tốt. Bị cáo đi học đến lớp 9 thì nghỉ học và đi học nghề. Từ tháng 02-2017, bị cáo đến thành phố P để đi làm thuê và có thu nhập ổn định, tự nuôi sống bản thân. Do bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không được sự quan tâm, giám sát của gia đình nên nhận thức bị cáo về cuộc sống và pháp luật còn hạn chế. Mặc dù bị cáo đã có công việc và thu nhập nhưng bị cáo sớm có lối sống hưởng thụ, tự mình vay tiền của đối tượng tên M số tiền là 22.000.000đồng để tiêu xài cho bản thân. Do không có tiền trả nợ nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, trong thời gian thuê phòng và phát hiện phòng trọ của bị hại thường xuyên đóng cửa và không có người nên bị cáo cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi phạm tội và hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện nhưng bị cáo không thành khẩn khai báo, cố tình khai báo gian dối để che giấu hành vi phạm tội của mình nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của bị hại, gây khó khăn cho việc điều tra và giải quyết vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 38 và Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung xã hội. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về phần dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) mặt dây chuyền vàng tây, vàng 18K, nặng khoảng 04 phân, hình trái tim ở giữa có đính viên đá hình con vật màu xanh nhạt, xung quanh có đính những hạt đá nhỏ bị chiếm đoạt thời điểm ngày 13-01-2018, tài sản không thu hồi được. Hiện bị cáo đã bồi thường mặt dây chuyền này cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với cục đá bê tông và tuyết vít, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với chiếc điện thoại di động được Lê Văn N dùng để liên lạc với M không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đối với đối tượng tên M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chưa xác định được nhân thân, lai lịch của M nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo người đại diện hợp pháp của bị cáo và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên